|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THPT Trần Nhân Tông****Tổ: Sử-Địa-GDCD** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI** **NĂM HỌC 2022-2023****MÔN: ĐỊA LÍ 10** |

**Cấu trúc gồm 2 phần:**

**- Phần 1: trắc nghiệm (6 điểm - 24 câu).**

**- Phần 2: tự luận (4 điểm - 2 câu).**

**+ Câu 1: (2,0 ) điểm) nội dung trong các bài 3,4,6,7**

**+ Câu 2: (2,0 điểm)**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)**

**Câu 1:** Môn Địa lí ở trường phổ thông bắt nguồn từ khoa học

**A.** Địa lí tự nhiện. **B**. Địa lí kinh tế - xã hội. **C**. Địa lí dân cư. **D**. Địa lí.

**Câu 2:** Môn Địa lí giúp chúng ta biết cách ứng xử và thích nghi được với những thay đổi đang diễn ra

A. trong điều kiện tự nhiên. B. trong điều kiện kinh tế.

C. trong xã hội hiện đại. D. trong tự nhiên và xã hội.

**Câu 3:**Môn Địa lí liên quan chặt chẽ với?

A. bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu. B. bản đồ, lược đồ, sơ đồ, máy tính.

C. bản đồ, máy chiếu, sơ đồ, bảng số liệu. D. bản đồ, lược đồ, ti vi, bảng số liệu.

**Câu 4:** Nhóm nghề nghiệp nào sau đây có liên quan đến địa lí dân cư?

A. quy hoạch, GIS. B. dân số học, đô thị học.

C. nông nghiệp, du lịch. D. khí hậu học, thổ nhưỡng học.

**Câu 5:** Nhóm nghề nghiệp nào sau đây có liên quan đến địa lí các ngành kinh tế?

A. quy hoạch, GIS. B. dân số học, đô thị học.

C. nông nghiệp, du lịch. D. khí hậu học, thổ nhưỡng học.

**Câu 6:** Nhóm nghề nghiệp nào sau đây có liên quan đến địa lí tổng hợp?

A. quy hoạch, GIS. B. dân số học, đô thị học.

C. nông nghiệp, du lịch. D. khí hậu học, thổ nhưỡng học.

**Câu 7:** Nhóm nghề nghiệp nào sau đây có liên quan đến thành phần tự nhiên?

A. quy hoạch, GIS. B. dân số học, đô thị học.

C. nông nghiệp, du lịch. D. khí hậu học, thổ nhưỡng học.

**Câu 8:** Phương pháp kí hiệu thường được sử dụng để biểu hiện vị trí của những đối tượng địa lí

A. phân bố theo điểm . B. di chuyển theo các hướng bất kì.

C. phân bố phân tán, rời rạc. D. tập trung thành vùng rộng lớn.

**Câu 9:** Phương pháp đường chuyển động được sử dụng để biểu hiện sự

A. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc. B. tập trung thành vùng rộng lớn.

C. phân bố theo những điểm cụ thể. D. di chuyển theo các hướng bất kì.

**Câu 10:** Sự phân bố các điểm dân cư nông thôn thường được biểu hiện bằng phương pháp

A**.** đường chuyển động. B. kí hiệu. C. chấm điểm. D. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 11:** **.** Phương pháp nào sau đây thường được sử dụng để biểu hiện diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh nước ta trong cùng một thời gian?

**A**. Kí hiệu. **B**. Kí hiệu theo đường. **C.** Chấm điểm. **D.** Bản đồ - biểu đồ.

**Câu 12:** Để thể hiện vùng trồng thuốc lá của nước ta, có thể sử dụng phương pháp

**A**. khoanh vùng. **B**. kí hiệu. **C**. bản đồ - biểu đồ. **D**. đường đẳng trị.

**Câu 13:** Bản đồ **không** phải là một phương tiện chủ yếu để học sinh

**A**. rèn luyện kĩ năng địa lí. **B**. khai thác kiến thức địa lí.

**C**. xem các tranh ảnh địa lí. **D**. củng cố hiểu biết địa lí.

**Câu 14:** Bản đồ địa lí **không** thể cho biết nội dung nào sau đây?

**A**. Lịch sử phát triển tự nhiện. **B.** Hình dạng của một lãnh thổ.

**C**. Sự phân bố các điểm dân cư. **D**. Vị trí của đối tượng địa lí.

**Câu 15:** Tỉ lệ 1: 9.000.000 cho biết 1 cm trên bản đồ ứng với ngoài thực địa là

**A**. 90 m. **B**. 90 km. **C.** 90 dm. **D**. 90 cm.

**Câu 16:** Muốn tìm hiểu được nội dung của bản đồ, trước hết cần phải nghiện cứu kĩ phần

**A.** chú giải và kí hiệu. **B.** kí hiệu và vĩ tuyến. **C.** vĩ tuyến và kinh tuyến. **D.** kinh tuyến và chú giải.

**Câu 17:** Để xác định phương hướng chính xác trên bản đồ, cần phải dựa vào

**A**. chú giải và kí hiệu. **B.** các đường kinh, vĩ tuyến. **C**. kí hiệu và vĩ tuyến. **D.** kinh tuyến và chú giải.

**Câu 18:** Để giải thích sự phân bố mưa của một khu vực, cần sử dụng bản đồ khí hậu và bản đồ

**A**. sông ngòi. **B**. địa hình. **C**. thổ nhưỡng. **D**. sinh vật.

**Câu 19:** Để giai thích chế độ nước của một hệ thống sông, cần phải sử dụng bản đồ sông ngòi và các bản đồ

**A**. khí hậu, sinh vật. **B**. địa hình, thổ nhưỡng. **C**. khí hậu, địa hình. **D.** thổ nhưỡng, khí hậu.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lớp vỏ Trái Đất?

**A.** Rắn chắc, độ dày ở đại dương khoảng 5 km. **B.** Dày không đều, cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau.

**C.** Trên cùng là đá ba dan, dưới cùng là đá trầm tích.**D.** Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất là khoáng vật và đá.

**Câu 21:** Đá macma được hình thành

**A.** từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi. **B**. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

**C.** từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao. **D.** từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

**Câu 22:** Đá trầm tích được hình thành

**A**. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi. **B**. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

**C**. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao. **D.** từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

**Câu 23:** Đá biến chất được hình thành

**A**. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi. **B.** ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

**C**. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao. **D.** từ khối mac ma nóng chảy dưới mặt đất trào lên.

**Câu 24:** Mảng kiến tạo **không** phải là

**A**. bộ phận lục địa nổi trên bề mặt Trái Đất. **B.** những bộ phận lớn của đáy đại dương.

**C**. luôn luôn đứng yên không di chuyển. **D**. chìm sâu mà nổi ở phần trên lớp Man-ti.

**Câu 25:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các mảng kiến tạo?

**A**. Phần nổi trên mực nước biển là lục địa, phần bị nước bao phủ là đại dương.

**B**. Các mảng nổi lên trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp Man-ti.

**C**. Mỗi mảng đều trôi nổi tự do và di chuyển độc lập, tốc độ rất lớn trong năm.

**D.** Khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời, xô vào nhau, hoặc trượt qua nhau.

**Câu 26:**  Vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo **không** có đặc điểm nào dưới đây?

**A**. Xảy ra các loại hoạt động kiến tạo. **B.** Là những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.

**C**. Có nhiều hoạt động núi lửa, động đất. **D.** Có những sống núi ngầm ở đại dương.

**Câu 27:** Trái Đất có sự luân phiên ngày và đêm là

**A**. Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục của nó.

**B.** Trái Đất hình cầu quay quanh Mặt Trăng và được Mặt Trời chiếu sáng.

**C.** Trái Đất được chiếu sáng toàn bộ và có hình khối cầu tự quay quanh trục.

**D.** Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng và luôn tự quay xung quanh Mặt Trời.

**Câu 28:** Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất **không** phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng

**A.** sự luân phiện ngày đêm trên Trái Đất. **B.** Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C**. lệch hướng chuyển động của các vật thể. **D.** khác nhau giữa các mùa trong một năm.

**Câu 29:** Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất?

**A**. Sự luân phiện ngày đêm trên Trái Đất. **B**. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C.** Chuyển động các vật thể bị lệch hướng. **D.** Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

**Câu 30:** Chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

**A**. Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất. **B**. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C.** Chuyển động các vật thể bị lệch hướng. **D.** Thời tiết các mùa trong năm khác nhau

**Câu 31:** Giờ địa phương giống nhau tại các địa điểm cùng ở trên cùng một

**A**. vĩ tuyến. **B.** kinh tuyến. **C.** lục địa. **D.** đại dương.

**Câu 32:** Giờ quốc tế là giờ

**A**. địa phương. **B**. khu vực. **C.** múi. **D**. GMT.

**Câu 33:** Kinh tuyến được chọn để làm đường chuyển ngày quốc tế là

**A**. 900. **B**. 1200. **C.** 1500. **D.** 1800

**Câu 34:** Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 1800, cần

**A**. tăng thêm một ngày lịch. **B**. lùi lại một ngày lịch,

**C.** giữ nguyên lịch ngày đi. **D.** giữ nguyên lịch ngày đến.

**Câu 35:** Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

**A**. Chí tuyến. **B**. Vòng cực. **C.** Cực. **D.** Xích đạo.

**Câu 36:** Nơi nào sau đây trong năm có hiện tượng ngày dài suốt 24 giờ?

**A**. Xích đạo. **B.** Chí tuyến Bắc. **C**. Chí tuyến Nam. **D.** Vòng cực.

**Câu 37:** Hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong câu ca dao *“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng; Ngày tháng mười chưa cười đã tối”* xảy ra *ở* khu vực nào sau đây?

**A**. Bán cầu Bắc. **B**. Bán cầu Nam. **C**. Vòng cực Bắc. **D**. Vòng cực Nam.

**Câu 38:** Những ngày nào sau đây ở mọi nơi trên Trái Đất có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

**A**. 21/3 và 23/9. **B**. 23/9 và 22/6. **C.** 22/6 và 21/3. **D.** 21/3 và 22/12.

**Câu 39:** Thạch quyển là phần trên cùng của Trái Đất, bao gồm:

**A.** vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Man-ti. **B**. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá trầm tích.

**C.** đá badan và phần ở trên cùng của lớp Man-ti. **D**. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá biến chất.

**Câu 40:** Nội lực là lực phát sinh từ

**A**. bên trong Trái Đất. **B**. bên ngoài Trái Đất. **C.** bức xạ của Mặt Trời. **D**. nhân của Trái Đất.

**Câu 41:** Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là do

**A**. sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B**. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

**C.** các phản ứng hoá học khác nhau. **D.** bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

**Câu 42:** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là do tác động của nội lực?

**A**. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống. **B**. Các lớp đất đá bị uốn nếp hoặc đứt gãy.

**C.** Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. **D**. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

**Câu 43:** Núi lửa được sinh ra khi

**A**. hai mảng kiến tạo tách xa nhau. **B**. xảy ra động đất có cường độ cao.

**C.** sự phân huỷ các chất phóng xạ. **D.** có vận động nâng lên, hạ xuống.

**Câu 44:** Nguyên nhân chủ yếu sinh ra ngoại lực là

**A***.* bên trong Trái Đất. **B**. lực hút của Trái Đất.

**C.** năng lượngbức xạ của Mặt Trời. **D**. nhân của Trái Đất.

**Câu 45:** Các quá trình ngoại lực bao gồm

**A.** phong hoá, nâng lên, vận chuyển, bồi tụ. **B**. phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.

**C.** phong hoá, hạ xuống, vận chuyển, bồi tụ. **D**. phong hoá, uốn nếp, vận chuyển, bồi tụ.

**Câu 46:** Quá trình phong hoá xảy ra là do tác động của sự thay đổi

**A**. nhiệt độ, nước, sinh vật. **B**. sinh vật, nhiệt độ, đất.

**C.** đất, nhiệt độ, địa hình. **D.** địa hình, nước, khí hậu.

**Câu 47:** Dạng địa hình nào sau đây được xem là kết quả của quá trình phong hoá hoá học là chủ yêu?

**A.** Bậc thềm sóng vỗ. **B.** Bán hoang mạc. **C.** Hang động đá vôi. **D.** Địa hình phi-o.

**Câu 48:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho phong hoá lí học xảy ra mạnh ở các miền khí hậu khô nóng (hoang mạc và bán hoang mạc)?

**A**. Nhiệt độ trung bình năm cao. **B**. Biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn.

**C.** Lượng mưa trung bình năm nhỏ. **D.** Thảm thực vật rất nghèo nàn.

**Câu 49:** Biểu hiện nào sau đây đúng với phong hoá sinh học?

**A.** Các đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. **B**. Hoà tan đá vôi do nước để tạo ra hang động.

**C.** Rễ cây làm cho các lớp đá rạn nứt, đổi màu. **D**. Xói mòn đất do dòng chảy nước tạm thời.

**Câu 50:** Bóc mòn là quá trình

**A**. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. **B.** di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

**C.** tích tụ (tích luỹ) các vật liệu đã bị phá huỷ. **D**. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

**Câu 51:** Vận chuyển là sự tiếp nối của quá trình bóc mòn, làm

**A**. chuyển dời các sản phẩm bị phong hóa khỏi vị trí . **B**. vật liệu di chuyển tho các nhân tố ngoại lực.

**C.** tích tụ (tích luỹ) các vật liệu đã bị phá huỷ. **D**. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu

**Câu 52:** Các địa hình nào sau đây do sóng bịển tạo nên?

**A.** Hàm ếch sóng vỗ, bậc thềm sóng vỗ. **B.** Bậc thềm sóng vỗ, cao nguyên băng.

**C.** Cao nguyên băng, khe rãnh xói mòn. **D.** Khe rãnh xói mòn, hàm ếch sóng vỗ.

**Câu 53:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khái niệm của khí quyển?

**A.** Là lớp không khí bao quanh Trái Đất. **B.** Thường xuyên chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

**C.** Rất quan trọng cho phát triển sinh vật. **D.** Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôzôn.

**Câu 54:** Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được

**A.** bề mặt Trái Đất hấp thụ. **B.** phản hồi vào không gian.

**C.** các tầng khí quyển hấp thụ. **D.** phản hồi vào băng tuyết.

**Câu 55:** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

**A**. xích đạo. **B**. chí tuyến. **C.** vòng cực. **D.** cực.

**Câu 56:** Biên độ nhiệt độ năm lớn nhất ở

**A.** xích đạo.  **B.** chí tuyến. **C.** vòng cực. **D.** cực.

**Câu 57:** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

**A.** bán cầu Tây. **B.** đại dương. **C.** lục địa. **D.** bán cầu Đông

**Câu 58:** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng nhiều đến sự khác nhau về nhiệt độ giữa bờ Đông và Tây lục địa?

**A**. Dòng biển nóng, dòng biển lạnh. **B.** Dòng biển lạnh, độ cao địa hình.

**C.** Độ cao địa hình, các vĩ độ địa lí. **D**. Các vĩ độ địa lí, dòng biển nóng.

**Câu 59:** Nhiệt độ không khí **không** thay đổi theo

**A**. độ cao địa hình. **B**. độ dốc địa hình. **C.** hướng sườn núi. **D**. hướng dãy núi.

 **Câu 60**: Cho bảng số liệu: NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIÊN ĐỘ NHIỆT ĐỘ NĂM THEO VĨ ĐỘ Ở BÁN CẦU BẮC  *(Đơn vị: oC)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **0o** | **20o** | **30o** | **40o** | **50o** |
| Nhiệt độ trung bình năm | 24,5 | 25,0 | 20,4 | 14,0 | 5,4 |
| Biên độ nhiệt độ năm | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,3 |

Căn cứ bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm từ vĩ độ thấp đến vĩ độ cao ở bán cầu Bắc?

**A.** Nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.

**B.** Nhiệt độ trung bình năm tăng, biên độ nhiệt độ năm giảm.

**C.** Nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm giảm.

**D.** Nhiệt độ trung bình năm tăng, biên độ nhiệt độ năm tăng.